

JEAN PASQUALINI

Lễ Giáng sinh của Cha Hiền



LỄ GIẢNG SINH CỦA CHA HIỀN

Jean Pasqualini

Mai Dzam dịch

**VĂN số 168
15-12-1970**

lễ giáng sinh của cha Hiền

Jean Pasqualini

Bìa: M.P

Trình bày: Muôn Phương

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**lễ giáng sinh
của cha Hiền**

JEAN PASQUALINI

MỤC LỤC

1. Lễ Giáng sinh của cha Hiên	9
2. Người tù im lặng	33

LỄ GIÁNG SINH CỦA CHA HIỀN

Jean Pasqualini, tác giả thiên hồi ký dưới đây, là một người mang hai dòng máu: thân phụ ông người Pháp, thân mẫu người Trung Hoa. Ông đã bị cưỡng bách lao động bảy năm trong một công trường ở Trung Cộng vì “những hoạt động chống cách mạng”. Được phóng thích năm 1964, hiện nay ông sống tại Ba-Lê.

Bản Việt ngữ được dịch theo bản tiếng Anh, nhan đề:

The Christmas Mass of Father Hsia.

TÊN ÔNG LÀ HIỀN (HSIA),
VÀ NẾU MAY MẮN MÀ ÔNG
còn sống thì giờ đây ông phải được
phóng thích khỏi một trại giam ở miền
Nam Bắc kinh. Đó là nơi tôi gặp ông lần
chót, vào cuối năm 1961, Nhưng trong
bao năm trời kể từ đấy, cứ đến lễ Giáng
sinh, ông lại sừng sững hiện ra trong
trí tôi với hình ảnh một ông già Trung
Hoa ốm yếu, khuôn mặt nhăn nheo với
cặp mắt bất khuất. Một lần nữa tôi lại
nhìn thấy ông đứng thanh tịnh trong
gió buốt, tay dâng bánh thánh và rượu
nho, miệng lầm bầm nguyện nhất tâm

thờ Chúa – mà trong suốt lúc đó ông biết mình có thể bị bắn vì việc đang làm.

Tôi gặp ông lần thứ nhất vào đầu năm ấy, sau một vụ sắp xếp lại toàn thể nhân số trại tù, biện pháp mà trại trưởng Giang vẫn thường xuyên ra lệnh cho thi hành để áp đảo tinh thần chúng tôi.

Tôi được cử làm cai một xà lim có 18 người tù; công việc của chúng tôi là dọn chuồng heo, lấy phân bón và chôn người chết. Ông Hiền ngủ ở ổ rơm kế bên ổ của tôi.

Không ai được hài lòng cho lắm về ông Hiền. Bởi lẽ ông trông già yếu quá đến đôi coi bộ không thể chia xẻ được gánh nặng với mọi người. Nhưng mỗi

lo thực sự chính là ông trước đây là tu sĩ dòng khổ hạnh, và ông cứ nói mãi chuyện Chúa sẽ giúp chúng tôi ra sao nếu như chúng tôi đừng để mất đức tin. Phần đông chúng tôi đã mất đức tin từ lâu rồi. Người cộng sản đã thấy điều đó. Tôn giáo đã bị loại khỏi nước Cộng hòa Nhân dân như là một thứ ma túy, một tệ đoan mê tín. Nhà nước cộng sản đã ban hành những hình phạt nghiêm khắc dành cho kẻ nào ngoan cố tin tưởng rằng ngoài chủ tịch Mao Trạch Đông còn có thể có một quyền lực nào cao hơn. Những tín đồ Thiên Chúa giáo đặc biệt bị hành hạ, bởi lẽ đã phạm tội thờ phụng “Chúa của bọn Tư bản”.

Ông Hiền, ở vào địa vị khác mọi người, tất đã phải nếm mùi cái nguy

cơ đó: ông bị xử 20 năm lao động công trường chỉ vì phạm độc một cái tội là tu sĩ. Âm thầm, ông vẫn tiếp tục cầu nguyện và hành đạo theo cách riêng của ông. Bọn tù chung xà lim chúng tôi để mặc ông hoặc còn xa lánh ông là đẳng khác; chúng tôi đã có dư mọi thứ chuyện để sợ rồi không kể tôn giáo của ông Hiền. Tuy vậy ông không bị tử hống mãi vì chúng tôi làm thính với ông đâu. Dù sao ông cũng khám phá ra chuyện ngoài ông ra, trong xà lim, còn có tôi là người duy nhất theo đạo Thiên Chúa, và rồi một hôm, trong lúc nghỉ tay, ông đến gặp tôi, ông bảo tôi:

– Con vẫn là con chiên ngoan đạo, đúng không Jean? Ngoan đạo ở trong lòng thôi.

– Tôi là tù mà, ông già ơi – tôi chán nản nói, – xin cứ để tôi yên cái phận tù của tôi đi.

Ông Hiền dường như không nghe tôi nói. Ông tiếp:

– Ta cùng cầu nguyện với nhau được, Jean ạ. Cha có thể nghe con xưng tội.

– Coi chừng đó, ông Hiền!

Tôi sảng giọng nói, trong lòng thì sợ đến chết nếu có người nghe được lời lão già ngu này nói thì chí nguy.

– Nếu ông muốn ra đứng trước tiểu đội hành quyết, thì đó là việc của ông. Còn tôi chỉ rán làm sao để sống sót thôi. Thôi, xin ông câm cái miệng đi cho.

Ông Hiền không giận, bảo tôi:

– Này con, cha đồng ý. Cha hiểu. Con chỉ cần nhớ cho rằng cha là bạn con.

Và ông đi lượm những thúng phân bón.

Vóc người trông tiêu tụy, đáng thương như thế, không hiểu làm cách nào ông Hiền chấp choạng bước đi được dưới sức nặng của những gánh phân 35 kí mà chúng tôi gánh đi đổ trên đất ruộng tro gốc rạ. Gánh phân nặng hầu như làm ông gầy đôi người. Nhưng ông làm công việc của ông – thường là những công việc của người yếu.

– Các anh nghĩ coi cái gì đã giúp cho ông già làm việc nổi đấy?

Một bạn tù hỏi.

– Chúa – anh khác đáp.

– Lúc thằng cha Giang không ngó tới, thì Chúa hiện xuống gánh giùm phân cho lão đó.

Chúng tôi được dịp cười hả hê về câu pha trò này.

Chúng tôi chẳng có lắm chuyện thích thú gì khác để mà cười. Chúng tôi làm việc từ rạng đông cho tới hoàng hôn, và phần ăn hàng ngày thì có bánh mì thứ tồi và một tô cháo lỏng. Những xà lim là những căn nhà lá lụp xụp mặc sức cho ruồi và bọ chét quấy nhiễu, và hôm nào cũng vậy, những anh em ở toán chôn cất phải đem xe bò mà chở những cái xác chắc-chắn-là-có qua ngọn đồi dài đến tận nghĩa địa.

Mùa hè năm đó, tôi nghĩ là đã đến lượt mình. Bị suy nhược bởi thiếu ăn và bệnh kiết lỵ, tôi té xỉu ở ngoài ruộng và được mang về bệnh xá. Tôi mê man trong nhiều ngày. Một đêm khi tỉnh lại, tôi thấy ông Hiền ở bên, đang quạt nhẹ trên mặt tôi. Rồi, bằng những cử động che giấu, ông bắt đầu múc đồ vô miệng tôi những muỗng cháo thịt hầm nóng ấm. Tôi được nếm thịt ếch, rau và cháo, và cứ mỗi miếng tôi nuốt, một chút sức khỏe lại trở lại với tôi.

– Chúng có thể hành hạ và hủy diệt thể xác chúng ta, con ạ. – ông thì thầm nhủ tôi – nhưng linh hồn thì chúng không thể nào đụng đến nếu chúng ta không chịu.

Ông trở lại với tôi ba lần nữa, mỗi lần lại mang nhiều thịt hầm hơn. Mỗi

đến tháng chín, khi tôi đã đủ mạnh để đi làm tôi mới biết ông đã tán tỉnh và ăn hiếp những anh em tù ra sao để nhờ họ hái những rau dại và bắt ếch trong giờ nghỉ trưa, và chính ông đã ăn cắp từng chút xíu gạo một, chờ cho đủ để nấu một tô mới kiếm chỗ nấu vụng trộm như thế nào. Tôi cảm ơn ông và tôi đã mắc cỡ vì cách tôi cư xử với ông trước đó.

Một hôm ông Hiền kể cho tôi nghe chuyện tại sao ông bị bắt. Chuyện xảy ra vào năm 1947, khi cộng quân tràn ngập Giang Châu, tỉnh quê ông. Ông dời khỏi tu viện trước ngày hôm đó và khi trở về thì thấy các sư huynh của ông đã bị hạ sát hết, các tòa nhà bị thiêu rụi bình địa. Bộ đội cộng sản, sau khi thỏa mãn cơn khát máu, bằng lòng bỏ ông vào tù. Sau hai năm sống ở trung tâm

thăm vấn, ông bị xử 20 năm “lao động để cải tạo”.

– Này, ít ra là đến bây giờ ông vẫn còn sống đấy. Tôi nói.

Ông nhìn thẳng vào tôi.

– Cha còn sống là vì ý Chúa muốn thế. Cha tin là Chúa có phần vụ giao phó cho cha. Mặt khác, cha ước gì đã được chia xẻ số phận với những sự huynh của cha.

Tháng mười một năm đó, trại trưởng Giang cử tôi trông coi một trung đội tù có nhiệm vụ đắp bờ phân ranh các thửa ruộng thuộc Nông trường 23. Ngay sau đó, tên Giang cho kiểm tôi. Y nói y nhận được báo cáo nói ông Hiền đã bí mật cầu kinh ban đêm.

– Có đúng vậy không? Y gầm lên.

Tôi gượng cười, đáp:

– Thưa ông, ông ta già rồi. Sau một ngày làm lụng ở ngoài đồng, ông ấy kiệt sức nên nói lảm nhảm trong giấc ngủ đấy thôi.

Tên Giang nhìn tôi trừng trừng một lúc lâu, rồi nói:

– Về biểu cho lão già biết nếu tao mà thấy báo cáo nghe được chỉ một tiếng trong bài kinh của lão, thì cả hai chúng mày phải trả một giả mắc lắm đó.

Ngay khi về đến xà lim, tôi tới gặp ông Hiền.

– Ông phải cẩn thận đó – tôi biểu ông – Đối với tôi thì chỉ vài tháng biệt

cắm thôi. Nhưng với ông... mạng ông treo chỉ mảnh đó!

– Còn có cái gì thật quan trọng trong đời Cha nữa?, ông bình thản hỏi tôi.

Đúng là không còn còn cách gì để khuyên giải ông Hiền.

* * *

Đến tháng Chạp, khí hậu trở nên lạnh buốt, một luồng gió ác nghiệt từ hướng tây bắc thổi tới rít bên tai. Một hôm gần cuối tháng, ông Hiền nặng nề lê bước tới gặp tôi ở bờ ruộng và hỏi tôi có thể để ông nghỉ vài phút chẳng.

– Chúng mình sắp được nghỉ mệt như thường lệ. Không đợi được đến

lúc đó sao ông già?, tôi bảo ông.

– Không. Lính gác sẽ vô lúc đó.

Ông khổ tâm với những tiếng ông muốn thốt ra.

– Con có biết hôm nay là ngày mấy không?

– Ngày thứ hai, 25 tháng Chạp. Tôi bực mình nói.

Và rồi tôi đứng khựng lại, ngay giây phút ấy tôi nghĩ rằng chẳng phải chỉ có một sự việc hôm nay là ngày lễ Giáng sinh không thôi, mà còn có vụ ông già muốn cầu nguyện nữa. Tôi năn nỉ:

– Ông có điên mới tìm một cơ hội như thế.

– Đành phải vậy.

Ông không úp mở.

– Và cha muốn con cùng cầu nguyện với cha. Chúng ta là hai kẻ duy nhất ở đây coi ngày hôm nay là ngày thiêng liêng.

Tôi nhìn quanh. Những lính gác không có đó, tên lính ở gần nhất cũng đứng ở phía gần cuối Nông trường 23. Tôi bảo ông.

– Đi xuống dưới rạch dẫn thủy đi. Tôi cho ông 15 phút đó, ông già. Chỉ có vậy thôi!

– Còn con?

– Tôi ở ngay đây này.

Tôi chết cả ngàn lần trong những phút sau đó, tại tôi nghe gió đưa lại lúc xa, lúc gần tiếng la ó của tên lính gác.

Và rồi một điều gì đó – mà tôi không rõ nó ra sao — vượt hẳn nỗi lo sợ trong lòng và đưa chân tôi tới rạch. Những gì tôi trông thấy ở nơi đó có một sức lôi cuốn rất mạnh đến nỗi lần đầu tiên trong 4 năm tù đây tôi quên luôn tên Giang với trại giam, và nhớ dường như tâm trí tôi nảy sinh một niềm tin tưởng vào một chuyện gì đó ngoài hẳn chuyện chỉ lo sao sống sót.

Ở dưới lòng rạch khô nước, ông Hiền đang đọc kinh mi-sa. Giáo đường thì ông cỏ cả một vùng hoang vu bao la ở miền Bắc này, và bàn thờ, ông có một mô đất để thay thế. Áo lễ, thì ông vận bộ đồng phục tả tơi của tù; một cái ly mẻ trắng men được dùng thay chén lễ. Ông lấy một ít trái nho dành dùm tù lâu để liệu cách chế ra một thứ bánh

bít qui mỏng làm bánh thánh. Không có nến bày trên ban thờ của ông Hiền, thay vào đó, một ngọn lửa nhỏ nhoi leo lét cháy ở đầu mấy cây đóm. Không ban lễ ca, ông có luồng gió bất tận từ hướng tây bắc thổi tới để biến thành một bản thánh ca, và dường như lúc đó ngọn lửa thiêng đưa những bản kinh cầu nguyện của ông già dũng cảm lên thẳng trời cao, trong khi gió tung chúng ra bốn phương trời.

Đột nhiên, tôi ao ước được chia sẻ đức tin của ông Hiền. Không một nơi nào trên thế giới này, trong ngày lễ Giáng sinh, tôi nghĩ, ngay cả ở những giáo đường vĩ đại nhất của giới tin đồ Thiên Chúa giáo, có ai mà cử hành được một lễ mi-sa đầy ý nghĩa cho bằng. Bị xúc động trong lúc này, tôi lên tiếng

ca những lời hát thiêng liêng: “*Et cam spirituo*” (Và thánh thần ở cùng người anh em).

Không ngạc nhiên, ông Hiền gật đầu khuyến khích tôi. Ông đọc: “*Ite missa est.*” (Lễ xong, con hãy ra về). Và câu kinh đáp hầu như đã biến khỏi trí nhớ tự nhiên đến trên môi tôi: “*Des gratias*” (Tạ ơn Chúa). Lễ mi-sa chấm dứt.

– Cha cầu xin Chúa sẽ hiểu cho chúng ta không định làm ô danh Chúa, ông Hiền nói, – lễ này khó mà xứng với...

Tôi không thể nói nên lời. Những giá trị bất biến, không thể lay chuyển của ông Hiền – nỗi lo sợ của ông, không phải là sợ bị bắn mà là sợ xúc phạm tới

Chúa – sau hết đã làm sáng tỏ điều mà ông răn thuyết phục tôi trong những tháng qua: rằng chỉ sống sót như một con vật bị đe dọa bởi nỗi lo sợ quỉ quái, thường trực, thật không đủ nghĩa sống cho một con người. Con người phải sống cho một cái gì ở ngoài y, cho một ước mơ, một niềm tin. Và tôi nói:

– Chắc là Chúa sẽ hiểu, cha Hiền ạ.

– Cám ơn con, Jean. Cầu xin Chúa luôn luôn che chở cho con.

Và đây là lần đầu tiên trong 4 năm trời tôi tin là Chúa sẽ che chở cho chúng tôi.

Rồi tôi thấy tên Giang đạp xe đạp về hướng rạch. Tôi vừa kịp leo xuống lòng rạch, đưa mạnh hai tay hơ trên ngọn lửa, như để sưởi ấm, trước khi y

trừng trừng ngó xuống chúng tôi.

– Chúng mày làm gì ở đó? Y găm lên.

– Lão già khùng này định nhóm lửa sưởi ấm.

Tôi nói với nụ cười rụt rè trên môi.

– Tối giờ nghỉ, tụi bay mới được nghỉ. Không có nghỉ trước được! Y thét lên.

– Trở lại làm việc ngay!

Mấy ngày sau, lại có vụ thay đổi xà lim, và ông Hiền với tôi mỗi người mỗi ngả. Tôi không bao giờ gặp ông nữa. Nhưng kể từ hôm ấy, chừng nào mà tôi còn sống ở trại tù vô nhân đạo đó, thì tim tôi vẫn còn một nơi kín đáo được yên ổn, không bị đe dọa bởi tên Giang

và những lính gác — yên ổn và không hãi sợ.

Có thể ngày nay ông Hiền vẫn còn sống, có thể ông đã ra người thiên cổ. Nhưng dù cho cộng sản có giết ông chẳng nữa, chúng cũng chỉ hủy diệt được thể xác ông, chỗ trú của một linh hồn mà bạo tàn cũng không khuất phục nổi. Linh hồn ấy mãi mãi ở ngoài vòng kiểm tỏa của chúng.

JEAN PASQUALINI

MAI DZAM dịch

(Trích Tập san văn chương tư tưởng nghệ thuật VĂN năm thứ 7 số 168 ra ngày 15/12/1970, trang 89-95)

2. NGƯỜI TÙ IM LẶNG

(Linh mục Gioan Lasan

Nguyễn Văn Vinh)

Tuân Nguyễn

Anh ta vào trại trước mình
khá lâu, bị trừng phạt vì tội
gì, mình không rõ. Người thì bảo anh

ta phạm tội hình sự, người lại bảo mắc tội chính trị. Nhưng cả hai tội mình đều thấy khó tin.

Anh ta không có dáng dấp của kẻ cướp bóc, sát nhân, và cũng không có phong độ của người làm chính trị. Bộ dạng anh ta ngu ngơ, dờ dại dờ khùng. Mình có cảm giác anh ta là một khúc củi rêu, do một trận lũ cuốn từ một xó rừng nào về, trôi ngang qua trại, bị vướng vào hàng rào của trại rồi mắc kẹt luôn ở đó.

Nhìn anh ta, rất khó đoán tuổi, có thể ba mươi, mà cũng có thể năm mươi. Gương mặt anh ta gầy choắt, rúm ró, tàn tạ, như một cái bị còi rách, lăn lóc ở các đồng rác. Người anh ta cao lòng không, tay chân thẳng đuồn

đuỗi, đen cháy, chỉ toàn da, gân với xương.

Trên người, tứ thời một mớ giẻ rách thay cho quần áo. Lúc đầu mình cứ tưởng anh ta bị câm vì suốt ngày ít khi thấy anh ta mở miệng dù là chỉ để nhếch mép cười. Thật ra anh ta chỉ là người quá ít lời. Gặp ai trong trại, cả cán bộ quản giáo lẫn phạm nhân, anh ta đều cúi chào cung kính, nhưng không chuyện trò với bất cứ ai.

Nhưng không hiểu sao, ở con người anh ta có một cái gì đó làm mình đặc biệt chú ý, cứ muốn làm quen... Nhiều lần mình định bắt chuyện, nhưng anh ta nhìn mình với ánh mắt rất lạ, rồi lảng tránh sau khi đã cúi chào cung kính. Hầu như tất cả các trại viên, kể cả những tay hung dữ nhất, cũng đều

thương anh ta. Những trại viên được gia đình tiếp tế người để dành cho anh ta viên kẹo, miếng bánh, người cho điếu thuốc.

Ở trại, anh ta có một đặc quyền không ai tranh được, và cũng không ai muốn tranh. Đó là khâm liệm tù chết. Mỗi lần có tù chết, giám thị trại đều cho gọi “thằng khùng” (tên họ đặt cho anh ta) và giao cho việc khâm liệm.

Với bất cứ trại viên chết nào, kể cả những trại viên đã từng đánh đập anh ta, anh ta đều khâm liệm chu đáo giống nhau. Anh ta nấu nước lá rừng, tắm rửa cho người chết, kỳ cọ ghét trên cái cơ thể lạnh ngắt cứng queo, với hai bàn tay của người mẹ tắm rửa cho đứa con nhỏ. Lúc tắm rửa, kỳ cọ, miệng anh ta cứ mấp máy nói cái gì

đó không ai nghe rõ. Anh ta rút trong túi áo một mẫu lược gầy, chải tóc cho người chết, nếu người chết có tóc. Anh ta chọn bộ áo quần lạnh lặn nhất của người tù, mặc vào rồi nhẹ nhàng nâng xác đặt vào áo quan được đóng bằng gỗ tạp sơ sài. Anh ta cuộn những bộ áo quần khác thành cái gói vuông vắn, đặt làm gối cho người chết. Nếu người tù không có áo xống gì, anh ta đẽo gọt một khúc cây làm gối. Khi đã hoàn tất những việc trên, anh ta quỳ xuống bên áo quan, cúi hôn lên trán người tù chết, và bật khóc. Anh ta khóc đau đớn và thống thiết đến nỗi mọi người đều có cảm giác người nằm trong áo quan là anh em máu mủ ruột thịt của anh ta. Với bất cứ người tù nào anh ta cũng khóc như vậy.

Một lần giám thị trại gọi anh ta lên:

– Thằng tù chết ấy là cái gì với mày mà mày khóc như cha chết vậy?

Anh ta chấp tay khúm núm thưa:

– Thưa cán bộ, tôi khóc vờ ấy mà. Người chết mà không có tiếng khóc tổng tiền thì vong hồn cứ lẩn quẩn trong trại. Có thể nó tìm cách làm hại cán bộ. Lúc hắn còn sống, cán bộ có thể trừng trị hắn, nhưng đây là vong hồn hắn, cán bộ muốn xích cổ, cũng không xích được.

Thằng khùng nói có lý. Giám thị trại mặc, cho nó muốn khóc bao nhiêu thì khóc. Nhưng mình không tin là anh ta khóc vờ. Lúc khóc, cả gương mặt vàng úa, nhăn nhúm của anh ta

chan hòa nước mắt. Cả thân hình gầy guộc của anh ta run rẩy.

Mình có cảm giác cả cái mở giẻ rách khoác trên người anh ta cũng khóc... Trong tiếng khóc và nước mắt của anh ta chan chứa một niềm thương xót khôn tả. Nghe anh ta khóc, cả những trại viên khét tiếng lý lợm, chai sạn, “đầu chày, đít thốt, mặt bù loong” cũng phải rơm rớm nước.

Chỉ có nỗi đau đớn chân thật mới có khả năng xuyên thẳng vào trái tim người. Mình thường nghĩ ngợi rất nhiều về anh ta. Con người này là ai vậy? Một thằng khùng hay người có mối từ tâm lớn lao của bậc đại hiền?...

Thế rồi, một lần, mình và anh ta cùng đi lừa trâu xuống con sông gần

trại cho đầm nước. Trời nóng như dội lửa. Bãi sông đầy cát và sỏi bị nóng rang bỏng như than đỏ. Trên bãi sông mọc độc một cây mùng già gốc sần sùi tán lá xác xơ trải một mảng bóng râm bằng chiếc chiếu cá nhân xuống cát và sỏi. Người lính gác ngồi trên bờ sông dốc đứng, ôm súng trú nắng dưới một lùm cây.

Anh ta và mình phải ngồi trú nắng dưới gốc cây mùng, canh đàn trâu ngụp lặn dưới sông. Vì mảng bóng râm quá hẹp nên hai người gần sát lưng nhau. Anh ta bỗng lên tiếng trước, hỏi mà đầu không quay lại:

– Anh Tuân này – không rõ anh ta biết tên mình lúc nào – sống ở đây anh thèm cái gì nhất?

– Thèm được đọc sách – mình buột miệng trả lời, và chợt nghĩ, có lẽ anh ta chưa thấy một cuốn sách bao giờ, có thể anh ta cũng không biết đọc biết viết cũng nên.

– Nếu bây giờ có sách thì anh thích đọc ai? – anh ta hỏi.

– Voltaire! – một lần nữa mình lại buột miệng. Và lại nghĩ: Nói với anh ta về Voltaire thì cũng chẳng khác gì nói với gốc cây mùng mà mình đang ngồi dựa lưng. Nhưng nhu cầu được chuyện trò bộc bạch với con người nó cũng lớn như nhu cầu được ăn, được uống...

Nhiều lúc chẳng cần biết có ai nghe mình, hiểu mình hay không. Đó chính là tâm trạng của anh công chức

nát rượu Marmeladov bất chợt nói to lên những điều tủi hổ nung nấu trong lòng với những người vớ vẩn trong một quán rượu tồi tàn, mà Dostoievsky miêu tả trong *Tội ác và trừng phạt*.

Anh ta ngồi bó gối, mắt không rời mặt sông loá nắng, hỏi lại:

– Trong các tác phẩm của Voltaire¹, anh thích nhất tác phẩm nào?

Mình sững sốt nhìn anh ta, và tự nhiên trong đầu nảy ra một ý nghĩ kỳ lạ: một người nào khác đã ngồi thay vào chỗ anh ta... Mình lại liên tưởng đến một cậu làm việc cùng phòng hồi còn ở Đài phát thanh, tốt nghiệp đại học hẵn hoi, đọc tên nhạc sĩ Chopin (Sôpanh) là Cho Pin.

¹ Voltaire là một nhà văn, nhà thơ, thần luận và triết gia nổi tiếng của nước Pháp thế kỷ 17.

Mình trả lời anh ta:

– Tôi thích nhất là Candide.

– Anh có thích đọc Candide ngay bây giờ không?

Không đợi mình trả lời, anh ta nói tiếp:

– Không phải đọc mà nghe... Tôi sẽ đọc cho anh nghe ngay bây giờ.

Rồi anh ta cất giọng đều đều đọc nguyên bản Candide. Anh đọc chậm rãi, phát âm chuẩn và hay như mấy cha cố người Pháp, thầy dạy mình ở trường Providence.

Mình trân trân nhìn cái miệng rúm ró, răng vàng khè đầy bọt của anh ta như nhìn phép lạ. Còn anh ta, mắt vẫn không rời dòng sông lóa

năng, tưởng chừng như anh ta đang đọc thiên truyện Candide nguyên bản được chép lên mặt sông...

Anh đọc đến câu cuối cùng thì keng ở trại cũng vang lên từng hồi, báo đến giờ lừa trâu về trại. Người lính gác trên bờ cao nói vọng xuống:

– Hai đứa xuống lừa trâu, nhanh lên!

– Chúng mình lừa trâu lên bờ đi! – anh nói.

Lội ra đến giữa sông, mình hỏi anh ta:

– Anh là ai vậy?

Anh ta cỡi lên lưng một con trâu, vừa vung roi xua những con trâu khác, trả lời:

– Tôi là cái thanh ngang trên cây thập tự đóng đinh Chúa.

Rồi anh ta tiếp:

– Đừng nói với bất cứ ai chuyện vừa rồi...

Giáp mặt người lính canh, bộ mặt anh ta thay đổi hẳn – ngu ngơ, đần độn như thường ngày. Cuối mùa đông năm đó, anh ta ngã bệnh. Nghe các trại viên kháo nhau mình mới biết.

Thằng chuyên gia khâm liệm e đi đong. Thế là nếu bọn mình nghèo, sẽ không còn được khâm liệm tử tế và chẳng có ai khóc tổng tiền vong hồn...
– những người tù nói, giọng buồn.

Mình gặp giám thị trại, xin được thăm anh ta.

Giám thị hỏi:

– Trước kia anh có quen biết gì
thằng này không?

Mình nói:

– Thưa cán bộ, không. Chúng tôi
hay đi lừa trâu với nhau nên quen nhau
thôi.

Giám thị đồng ý cho mình đến
thăm, có lính đi kèm. Anh ta nằm
cách ly trong gian lán dành cho người
ốm nặng. Anh ta nằm như dán người
xuống sạp nằm, hai hốc mắt sâu trũng,
nhắm nghiền, chốc chốc lại lên cơn co
giật...

Mình cúi xuống sát người anh ta,
gọi hai ba lần, anh ta mới mở mắt,
chăm chăm nhìn mình. Trên khoé

môi rúm ró như thoáng một nét cười. Nước mắt mình tự nhiên trào ra rơi lã chã xuống mặt anh ta. Anh ta thè lưỡi liếm mấy giọt nước mắt rớt trúng vành môi. Anh ta thều thào nói:

– Tuân ở lại, mình đi đây... Đưa bàn tay đây cho mình...

Anh ta nắm chặt bàn tay mình hồi lâu. Một tay anh ta rờ rẫm mở giẻ rách khoác trên người, lấy ra một viên than củi, được mài tròn nhẵn như viên phấn viết. Với một sức cố gắng phi thường, anh ta dùng viên than viết vào lòng bàn tay mình một chữ nho. Chữ NHẼN.

Viết xong, anh ta hoàn toàn kiệt sức, đánh rớt viên than, và lên cơn co giật.

Người lính canh dẫn mình lên
giám thị trại với bàn tay có viết chữ
Nhấn ngựa ra.

Người lính canh ngờ rằng đó là
một ám hiệu.

Giám thị hỏi:

– Cái hình nguyệt ngọc này có ý
nghĩa gì? Anh mà không thành khẩn
khai báo, tôi tổng cổ anh ngay lập tức
vào biệt giam.

Mình nói:

– Thưa cán bộ, thật tình tôi không
rõ. Anh ta chỉ nói: tôi vẽ tặng cậu một
đạo bùa để xua đuổi bệnh tật và tà khí.

Nghe ra cũng có lý, giám thị trại
tha cho mình về lán...

Thằng Khùng trong tù này là **Cha Chính Vinh**, tức là **Linh mục Gioan Lasan Nguyễn Văn Vinh (1912-1971)** của Nhà thờ lớn Hà Nội.

Cha Gioan Lasan Nguyễn Văn Vinh học Văn Khoa – Triết tại Đại Học Sorbone, học sáng tác và hòa âm tại Nhạc viện Quốc Gia.

Sau khi tốt nghiệp cử nhân Văn Triết ở Sorbone, ngài gia nhập dòng khổ tu Biển Đức tại Đan Viện St. Marie.

Sau 17 năm du học, năm 1947 cha Vinh về nước...

Phùng Quán viết lại theo lời kể của Nguyễn Tuân khi cùng ở trong tù.
(Nguồn INTERNET)

Nguyễn Tuân có bút hiệu là Tuân Nguyễn. Anh vẫn muốn giữ tên mình làm bút hiệu nhưng vì đã có nhà văn Nguyễn Tuân, tác giả “Vang Bóng Một Thời” nên anh đành đổi ngược là Tuân Nguyễn.

